

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 61/2, Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B. (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/9/2022, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Nguyễn Văn K cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2015, số 16/TT/2015. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/3/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh K hay gây sự vô cớ, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh K được quyền trực tiếp nuôi

dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn K thể hiện yêu cầu ly hôn của chị Đ cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh K không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh Nguyễn Văn K không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Văn K đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vắng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn K cưới nhau năm 2014, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2015, số 16/TT/2015, nên quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh K là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ thấy rằng: Chị Đ xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, anh K có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên mới khởi kiện xin ly hôn với anh K. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn K thể hiện yêu cầu ly hôn của chị Đ cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh K không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Điều đó, cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh K.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị Đ xác định cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/3/2015 đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Do anh K không hợp tác, nên Tòa án không thực hiện được việc thu thập ý kiến thể hiện nguyện vọng của cháu N. Tuy nhiên, chị Đ đã thể hiện ý kiến là đồng ý để anh K tiếp tục được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N, đây là sự tự nguyện của đương sự và cũng đảm bảo tính ổn định, phát triển bình thường của cháu N, nên Hội đồng xét xử quyết định cho anh K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Văn K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.
2. Về quyền nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 01/3/2015.
3. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Đ theo quy định của pháp luật. Anh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Đ.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị Đ, anh K, người thân thích của cháu N, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004426 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên chị Đ không phải nộp tiếp. Anh K không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh